

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH CHÍNH QUY NĂM 2019

### 1. Thông tin chung về trường

#### 1.1 Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được thành lập theo quyết định số 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Khoa Y-Nha-Dược Trường Đại học Cần Thơ được thành lập từ năm 1979.

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Địa chỉ trường: số 179 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Địa chỉ trang thông tin điện tử: [www.ctump.edu.vn](http://www.ctump.edu.vn)

#### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Đại học	
	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành VI	18 NCS, 117 CH, 7299 ĐH	2721 ĐH

#### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

##### 1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Trường xét tuyển kết quả Kỳ thi THPT quốc gia của ba môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số). Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu.

##### 1.3.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2017			Năm tuyển sinh -2018		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Tổ hợp 1: Toán-Hóa-Sinh						
Nhóm ngành VI - Y khoa	790	1383	27	940	1084	22,75
Y học dự phòng	120	121	23	120	97	19,5
Y học cổ truyền	120	121	25	120	104	21
Dược học	140	128	26,5	140	127	22

Điều dưỡng	80	129	22,75	80	104	19,5
Răng hàm mặt	80	75	27	80	73	22,5
Kỹ thuật Xét nghiệm y học	80	124	25	80	179	20,5
Y tế công cộng	40	53	20,5	40	73	17
<b>Tổng</b>	<b>1450</b>	<b>2134</b>	<b>X</b>	<b>1600</b>	<b>1841</b>	<b>X</b>

## 2. Phương án tuyển sinh năm 2019

### 2.1. Tuyển sinh hệ chính quy

#### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có nguyện vọng học tại trường.

#### 2.1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước.

#### 2.1.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển kết quả Kỳ thi THPT quốc gia của ba môn Toán, Sinh và Hóa (không nhân hệ số). Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Thí sinh là người nước ngoài xét tuyển kết quả học tập THPT và kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt.

#### 2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo năm 2019 là 1450 trong đó có 150 chỉ tiêu Y khoa ngành hiếm, chỉ tiêu còn lại như sau:

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU
1	7720101	Y khoa	6 năm	700
2	7720110	Y học dự phòng	6 năm	90
3	7720115	Y học cổ truyền	6 năm	90
4	7720201	Dược học	5 năm	100
5	7720301	Điều dưỡng	4 năm	60
6	7720302	Hộ sinh *	4 năm	30
7	7720501	Răng hàm mặt	6 năm	90
8	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	4 năm	80
9	7720602	Kỹ thuật Hình ảnh y học *	4 năm	30
10	7720701	Y tế công cộng	4 năm	30

(\*): Ngành dự kiến mở mới năm 2019.

Chỉ tiêu xét tuyển: **Khu vực ĐBSCL tối thiểu 85%, khu vực còn lại tối đa 15%** (trong đó có 375 đào tạo theo nhu cầu xã hội của các tỉnh vùng ĐBSCL và các

tính có nhu cầu, 70 từ dự bị Dân tộc). Chỉ tiêu từng ngành có thể thay đổi 10% để phù hợp mức điểm chung của ngành.

#### **2.1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận ĐKXT**

Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận ĐKXT vào trường trên mục tuyển sinh.

#### **2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT**

- Mã trường: YCT
- Tổ hợp xét tuyển: Toán – Hóa – Sinh (Hóa và Sinh lấy điểm môn thi thành phần).
- Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu.

#### **2.1.7. Tổ chức tuyển sinh**

- Thời gian: theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hình thức nhận ĐKXT: thí sinh nộp hồ sơ một trong ba hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến.

Thí sinh đăng ký trực tiếp và qua đường bưu điện về Phòng Đào tạo đại học - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (số 179 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ).

- Các điều kiện xét tuyển:

Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyển phát nhanh hay trực tiếp. Quá thời hạn, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác bổ sung.

#### **2.1.8. Học phí dự kiến**

- Mức học phí bình quân tối đa theo Quyết định 455/QĐ-TTg của chương trình đại trà là 20,4 triệu.
- Mức học phí đối với diện đào tạo theo nhu cầu xã hội trên cơ sở ký kết đào tạo theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

### **3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính**

#### **3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

##### **3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng:**

- Tổng diện tích đất của trường: 31,06 ha.
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 25.278 m<sup>2</sup>.

##### **3.1.2 Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị**

Cơ sở thực hành của trường có hơn 31 cơ sở trong đó có 14 Bệnh viện lớn và các bệnh viện chuyên khoa như: Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Đa khoa TƯ Cần Thơ, Đa khoa TP. Cần Thơ; Nhi đồng Cần Thơ, Phụ sản Cần Thơ, Ung bướu Cần Thơ, Da liễu Cần Thơ, Mắt-Răng hàm mặt, Lao và Bệnh phổi, Y học cổ truyền, Tâm thần, Đa khoa Vĩnh Long...; Trung tâm Y tế Dự phòng: Cần Thơ, Ninh Kiều, Ô Môn, Cái Răng, Trung tâm Y tế dự phòng Châu Thành, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường Cần Thơ, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Chi cục Dân số-KHHGD, Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm, các trạm y tế trong và ngoài thành phố Cần Thơ (có gần 250 giảng viên cơ hữu làm việc 100% thời gian ở các bệnh viện để giảng dạy lâm sàng cho sinh viên và tham gia công tác khám, chữa bệnh).

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành khoa học cơ bản	10	TTB hiện đại các BM Hóa, Lý sinh, Sinh - Di truyền, Tin học, Ngoại ngữ
2	Phòng thực hành tiền lâm sàng	08	Đầy đủ các chủng loại mô hình phục vụ giảng dạy mô phỏng. Các mô hình từ đơn giản đến mô hình đa chức năng.
3	Phòng thí nghiệm, thực hành	94	Phòng thí nghiệm, thực hành các môn cơ sở ngành các Khoa: Y, RHM, Dược, Điều dưỡng – KTYH, YTCC.

### 3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Tên	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	14
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	51
4	Phòng học từ dưới 50 chỗ	04
5	Phòng học đa phương tiện	02

Tất cả hội trường và phòng học được trang bị cố định máy tính, máy chiếu phục vụ giảng dạy và học tập.

### 3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	16.751

### 3.2 Giảng viên cơ hữu (Nhóm ngành VI)

Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
GS	PGS	ĐH	ThS	TS	TSKH
2	23	63	270	51	0

### 4. Tình hình việc làm (2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Năm	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
		ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	Số lượng	Tỷ lệ
Nhóm ngành VI	2016	970		963		941		887	94,3
	2017	1370		1357		1121		1061	94,7
<b>Tổng</b>		2340		2320		2062		1948	94,5

### 5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 397,4 tỷ đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 20,4 triệu đồng/sinh viên.

#### Nơi nhận:

- Các Đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



\* Nguyễn Trung Kiên